

PHỤ LỤC X

BIỂU MẪU ĐỂ QUẢN LÝ CÁC CƠ SỞ ĐÃ ĐƯỢC CÔNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH, HOẶC ĐÃ ĐƯỢC GIÁM SÁT DỊCH BỆNH HOẶC ĐÃ ĐƯỢC PHÒNG BỆNH BẰNG VẮC XIN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Đối với trâu, bò

STT	Tên cơ sở và địa chỉ	Tên bệnh	Các bệnh đã được công nhận an toàn dịch bệnh		Hoặc các bệnh đã được giám sát không có mầm bệnh		Hoặc các bệnh đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ	
			Ngày cấp giấy	Ngày hết hạn	Thời gian thực hiện giám sát	Kết quả giám sát	Thời gian phòng bệnh bằng vắc xin	Thời gian hết miễn dịch bảo hộ
1		Lở mồm long móng (**)						
		Lao bò (*)						
		Sảy thai truyền nhiễm (*)						
		Xoắn khuẩn (*)						
		Tụ huyết trùng (*)						
		Tiên mao trùng (*)						
		Biên trùng (*)						
		Lê dạng trùng (*)						

(*): Áp dụng đối với động vật làm giống (riêng đối với Bệnh lao chỉ thực hiện trên bò giống, bò sữa); Lê dạng trùng chỉ trên bò

(**): Áp dụng chung đối với động vật để làm giống và giết mổ

2. Bệnh đối với lợn

STT	Tên cơ sở	Tên bệnh	Các bệnh đã được công nhận an toàn dịch bệnh		Hoặc các bệnh đã được giám sát không có mầm bệnh		Hoặc các bệnh đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ	
			Ngày cấp giấy	Ngày hết hạn	Thời gian thực hiện giám sát	Kết quả giám sát	Thời gian phòng bệnh bằng vắc xin	Thời gian hết miễn dịch bảo hộ
1.		Lở mồm long móng (**)						
		Dịch tả lợn (*)						
		Sảy thai truyền nhiễm (*)						
		Xoắn khuẩn (*)						
		Tai xanh (*)						

(*): Áp dụng đối với động vật làm giống

(**): Áp dụng chung đối với động vật để làm giống và giết mổ.

3. Bệnh đối với dê, cừu

STT	Tên cơ sở	Tên bệnh	Các bệnh đã được công nhận an toàn dịch bệnh		Hoặc các bệnh đã được giám sát không có mầm bệnh		Hoặc các bệnh đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ	
			Ngày cấp giấy	Ngày hết hạn	Thời gian thực hiện giám sát	Kết quả giám sát	Thời gian phòng bệnh bằng vắc xin	Thời gian hết miễn dịch bảo hộ
		Lở mồm long móng (*)						
		Sảy thai truyền nhiễm (*)						
		Xoắn khuẩn(*)						
		Đậu (*)						

(*): Áp dụng đối với động vật làm giống

4. Bệnh đối với ngựa

STT	Tên cơ sở	Tên bệnh	Các bệnh đã được công nhận an toàn dịch bệnh		Hoặc các bệnh đã được giám sát không có mầm bệnh		Hoặc các bệnh đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ	
			Ngày cấp giấy	Ngày hết hạn	Thời gian thực hiện giám sát	Kết quả giám sát	Thời gian phòng bệnh bằng vắc xin	Thời gian hết miễn dịch bảo hộ
		Tiên mao trùng (*)						

(*): Áp dụng đối với động vật làm giống

5. Bệnh đối với gà, đà điểu, chim cú, bồ câu

STT	Tên cơ sở	Tên bệnh	Các bệnh đã được công nhận an toàn dịch bệnh		Hoặc các bệnh đã được giám sát không có mầm bệnh		Hoặc các bệnh đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ	
			Ngày cấp giấy	Ngày hết hạn	Thời gian thực hiện giám sát	Kết quả giám sát	Thời gian phòng bệnh bằng vắc xin	Thời gian hết miễn dịch bảo hộ
		Cúm gia cầm độc lực cao (**)						
		Niu-cát-xon(*)						

(*): Áp dụng đối với động vật làm giống

(**): Áp dụng chung đối với động vật để làm giống và giết mổ

6. Bệnh đối với vịt, ngan, ngỗng

STT	Tên cơ sở	Tên bệnh	Các bệnh đã được công nhận ATDB		Hoặc các bệnh đã được giám sát không có mầm bệnh		Hoặc các bệnh đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ	
			Ngày cấp giấy	Ngày hết hạn	Thời gian thực hiện giám sát	Kết quả giám sát	Thời gian phòng bệnh bằng vắc xin	Thời gian hết miễn dịch bảo hộ
		Cúm gia cầm độc lực cao(**)						
		Dịch tả vịt (*)						

(*): Áp dụng đối với động vật làm giống

(**): Áp dụng chung đối với động vật để làm giống và giết mổ

Ghi chú:

Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa lập danh sách các cơ sở chăn nuôi; cơ sở thu gom, kinh doanh động vật trên cạn theo Biểu mẫu này để làm cơ sở thực hiện việc kiểm dịch vận chuyển động vật, sản phẩm động vật trên cạn ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.